Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MỸ HÀO
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Thời gian ký: 06/11/2026 07:44:24

UBND phường Mỹ Hào
Chương: 800

PHÂN BỔ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: 1874 /QĐ-UBND ngày 06 / 11 /2026 của UBND phường Mỹ Hào)

STT	Nội dung	Tổng số	Trường THCS Mỹ Hào 1 (Mã ĐVQHNS: 1174328)	Trường Tiểu học Mỹ Hào 1 (Mã ĐVQHNS: 1174260)	Trường Tiểu học Mỹ Hào 2 (Mã ĐVQHNS: 1174318)	Trường Mầm non Mỹ Hào 1 (Mã ĐVQHNS: 1174474)	Trường Tiểu học Mỹ Hào 3 (Mã ĐVQHNS:1045845)	Trường Mầm non Mỹ Hào 2 (Mã ĐVQHNS:1174506)	Trường THCS Mỹ Hào 2 (Mã ĐVQHNS:1174912)
A	B								
I	**Tầng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**								
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)**	**3.912.794.958**	**411.069.131**	**603.541.581**	**434.044.912**	**851.052.458**	**649.625.250**	**528.445.060**	**435.016.566**
1	**Chi quản lý hành chính**	**3.912.794.958**	**411.069.131**	**603.541.581**	**434.044.912**	**851.052.458**	**649.625.250**	**528.445.060**	**435.016.566**
1.1	*Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ*	**3.912.794.958**	**411.069.131**	**603.541.581**	**434.044.912**	**851.052.458**	**649.625.250**	**528.445.060**	**435.016.566**
	Chương 822, khoản 071, nguồn 13	***1.325.656.458***	**-**	**-**	**-**	***818.603.498***	**-**	***507.052.960***	
	Kinh phí thực hiện chênh lệch Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	*993.481.538,0*				*594.350.378*		*399.131.160*	
	Kinh phí thực hiện chênh lệch phụ cấp nghị định số 182/2026/NĐ-CP năm 2026 của Chính phủ	*332.174.920*				*224.253.120*		*107.921.800*	
	Chương 822, khoản 071, nguồn 18	***53.841.060***				***32.448.960***		***21.392.100***	
	Kinh phí khen thưởng	*53.841.060*				*32.448.960*		*21.392.100*	
	Chương 822, khoản 072, nguồn 13	***1.603.327.693***	**-**	***570.226.563***	***405.986.320***		***627.114.810***		**-**
	Kinh phí thực hiện chênh lệch Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	*614.337.113*		*570.226.563*			*44.110.550*		
	Kinh phí thực hiện chênh lệch phụ cấp nghị định số 182/2026/NĐ-CP năm 2026 của Chính phủ	*988.990.580*			*405.986.320*		*583.004.260*		
	Chương 822, khoản 072, nguồn 18	***83.884.050***		***33.315.018***	***28.058.592***		***22.510.440***		
	Kinh phí khen thưởng	*83.884.050*		*33.315.018*	*28.058.592*		*22.510.440*		
	Chương 822, khoản 073, nguồn 13	***770.408.748***	***379.536.275***						***390.872.473***
	Kinh phí thực hiện chênh lệch Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	*379.536.275*	*379.536.275*						
	Kinh phí thực hiện chênh lệch phụ cấp nghị định số 182/2026/NĐ-CP năm 2026 của Chính phủ	*390.872.473*							*390.872.473*
	Chương 822, khoản 072, nguồn 18	***75.676.949***	***31.532.856***						***44.144.093***
	Kinh phí khen thưởng	*75.676.949*	*31.532.856*						*44.144.093*
1.2	*Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ*								
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**								
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo								
2.2	*Kinh phí thường xuyên giao tự chủ*								
2.3	*Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ*								
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo								
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số								

STT	Nội dung	Tổng số	Trường THCS Mỹ Hào 1 (Mã ĐVQHNS: 1174328)	Trường Tiểu học Mỹ Hào 1 (Mã ĐVQHNS: 1174260)	Trường Tiểu học Mỹ Hào 2 (Mã ĐVQHNS: 1174318)	Trường Mầm non Mỹ Hào 1 (Mã ĐVQHNS: 1174474)	Mỹ Hào 3 (Mã ĐVQHNS:1045845)	non Mỹ Hào 2 (Mã ĐVQHNS:1174506)	Mỹ Hào 2 (Mã ĐVQHNS:1174912)
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**								
3.1	*Kinh phí thường xuyên giao tự chủ*								
3.2	**Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ**								
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**								
4.1	*Kinh phí thường xuyên giao tự chủ*								
4.2	*Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ*								
5	**Chi bảo đảm xã hội**								
5.1	*Kinh phí thường xuyên giao tự chủ*								
5.2	*Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ*								
6	**Chi các hoạt động kinh tế**								
6.1	*Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (280)*								
6.2	*Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ*								
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**								
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ								
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ								
8	**Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin**								
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ								
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ								
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình**								
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ								
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ								
10	**Chi sự nghiệp thể dục, thể thao**								
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ								
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ								
11	**Chi an ninh**								
11.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ								
11.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ								
12	**Chi an ninh**								
12.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ								
12.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ								
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN		**1174318**	**1174260**	**1174318**	**1174474**	**1045845**	**1174506**	**1174912**
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch		**0412**	**0412**	**0412**	**0412**	**0412**	**0412**	**0412**

Ghi chú: (1) Trường hợp theo quy định phải giao tiết kiệm chi thường xuyên 10% để thực hiện cải cách tiền lương, thì bổ sung thêm chỉ tiêu tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo từng lĩnh và nhiệm vụ chi.